

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Luật đấu giá tài sản năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu số 183/QĐ-QLTTLA ngày 20/11/2023 của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường tỉnh Long An.

Cục Quản lý thị trường tỉnh Long An thông báo việc lựa chọn tổ chức đấu giá để thực hiện đấu giá 03 lô tài sản với nội dung như sau:

1. Tên, địa chỉ của người có tài sản:

Cục Quản lý thị trường tỉnh Long An, địa chỉ: Số 67, Hùng Vương, Phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An

2. Tên tài sản đấu giá và giá khởi điểm:

- **Lô 1:** Quần áo may sẵn, vải cuộn, da vụn, dù các loại (*Kèm theo bảng kê chi tiết*). Giá khởi điểm: 276.230.000 đồng (Hai trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng).

- **Lô 2:** Giày, dép các loại (*Kèm theo bảng kê chi tiết*). Giá khởi điểm: 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

- **Lô 3:** Đồ gia dụng bằng sành sứ, kim loại, bếp gas, tủ lạnh, máy cassette, amply, đầu đĩa các loại,... (*Kèm theo bảng kê chi tiết*). Giá khởi điểm: 30.828.000 đồng (Ba mươi triệu tám trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Tổng giá khởi điểm 03 lô hàng: 427.058.000 đồng (Bốn trăm hai mươi bảy triệu không trăm năm mươi tám nghìn đồng).

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản căn cứ theo khoản 4 Điều 56 của Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

Hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá do tổ chức đấu giá tài sản xây dựng, có dấu xác nhận của tổ chức đấu giá tài sản. Tổ chức đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với thông tin, các giấy tờ, tài liệu chứng minh các tiêu chí trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình. Cụ thể theo Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá:

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá tài sản.	23,0
1	Cơ sở vật chất đảm bảo cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử ...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng phiếu trả giá đảm bảo an toàn, bảo mật và các phương tiện khác đảm bảo cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá.	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống	4,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
	thông đồng, đàm giá	
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3,0
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0
1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5	6,0
1.1	<i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i>	2,0
1.2	<i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i>	3,0
1.3	<i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i>	4,0
1.4	<i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i>	5,0
1.5	<i>Từ 30 hợp đồng trở lên</i>	6,0
2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5	18,0
2.1	<i>Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)</i>	10,0
2.2	<i>Từ 20% đến dưới 40%</i>	12,0
2.3	<i>Từ 40% đến dưới 70%</i>	14,0
2.4	<i>Từ 70% đến dưới 100%</i>	16,0
2.5	<i>Từ 100% trở lên</i>	18,0
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với	5,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
	doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3	
3.1	<i>Dưới 03 năm</i>	3,0
3.2	<i>Từ 03 năm đến dưới 05 năm</i>	4,0
3.3	<i>Trên 05 năm trở lên</i>	5,0
4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản. chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3.	3,0
4.1	<i>01 đấu giá viên</i>	1,0
4.2	<i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>	2,0
4.3	<i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>	3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản) chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	4,0
5.1	<i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	2,0
5.2	<i>Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	3,0
5.3	<i>Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời hạn hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế GTGT. chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3, hoặc 6.4	5,0
6.1	<i>Dưới 50 triệu đồng</i>	2,0
6.2	<i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>	3,0
6.3	<i>Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng</i>	4,0
6.4	<i>Từ 200 triệu đồng trở lên</i>	5,0
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động. chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3,0
7.1	<i>Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)</i>	2,0
7.2	<i>Trên 03 nhân viên trở lên</i>	3,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp <i>chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3</i>	5,0
1	Bảng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4,0
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	5,0
1	Tổ chức đấu giá tài sản có trụ sở hoạt động trên địa bàn nơi đơn vị đang thực hiện việc lựa chọn tổ chức đấu giá	2,0
2	Tổ chức đấu giá tài sản đã tham gia thực hiện việc đấu giá tài sản với đơn vị đang thực hiện việc lựa chọn tổ chức đấu giá trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ	3,0
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2	Không có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện

Lưu ý:

- Hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá làm thành 01 bộ in bìa đóng thành quyển.

- Trường hợp có từ hai tổ chức đấu giá trở lên có số điểm chấm bằng nhau thì việc lựa chọn tổ chức đấu giá ưu tiên theo thứ tự:

1. Tổ chức có số điểm của tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và uy tín cao hơn.

2. Tổ chức có số điểm về tiêu chí phương án đấu giá khả thi, hiệu quả cao hơn.
3. Tổ chức có số điểm về thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản cao hơn.

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá.

4.1. Thời gian tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc, từ ngày 21/11/2023 đến hết ngày 23/11/2023, trong giờ hành chính.

4.2. Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá: Cục Quản lý thị trường tỉnh Long An. địa chỉ: Số 67, Hùng Vương, Phường 2, TP.Tân An, tỉnh Long An.

Nay Cục Quản lý thị trường tỉnh Long An thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản biết và đăng ký./. *Phy*

Nơi nhận:

- Cục trưởng (b/c);
- Các Phó Cục trưởng;
- Trang TTĐT quốc gia về đấu giá tài sản;
- Trang TTĐT Cục;
- Lưu: VT, TCHC (Ngọc).



Cao Văn Hồng

BẢNG KÊ CHI TIẾT TÀI SẢN

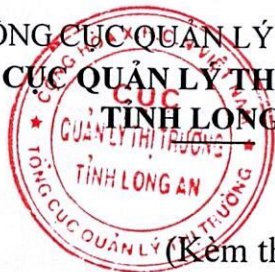
(Kèm theo Thông báo số 1199 /TB-QLTTLA ngày 10 /11/2023 của Cục QLTT tỉnh Long An)

Lô 1: Quần áo máy sẵn, vải cuộn, da vụn, dù các loại

STT	Số QĐTT	Ngày QĐ	Tên tang vật	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	48000005/QĐ-TT	19/7/2023	Quần áo	các loại, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, đã qua sử dụng	Kg	6.421	18.000	115.578.000
2	48000006/QĐ-TT	19/7/2023	Quần áo	các loại, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, đã qua sử dụng	Kg	1.080	18.000	19.440.000
			Vải cuộn	các loại, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, không còn nguyên cuộn	Kg	373	18.000	6.714.000
3	48000007/QĐ-TT	19/7/2023	Quần áo	các loại, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, đã qua sử dụng	Kg	2.570	18.000	46.260.000
			Da vụn	các loại, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, đã qua sử dụng	Kg	1.810	2.000	3.620.000
			Vải cuộn	các loại, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, không còn nguyên cuộn	Kg	600	18.000	10.800.000
4	48000008/QĐ-TT	19/7/2023	Quần áo	các loại, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, đã qua sử dụng	Kg	2.851	18.000	51.318.000
			Dù	các loại, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, đã qua sử dụng	Cây	450	50.000	22.500.000
TỔNG CỘNG:								276.230.000

Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng

TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG
CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG
TỈNH LONG AN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ CHI TIẾT TÀI SẢN

(Kèm theo Thông báo số 199 /TB-QLTTLA ngày 10 /11/2023 của Cục QLTT tỉnh Long An)

Lô 2: Giày, dép các loại

STT	Số QĐTT	Ngày QĐ	Tên tang vật	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	48000006/QĐ-TT	19/7/2023	Giày, dép	các loại, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, đã qua sử dụng	Đôi	1.000	40.000	40.000.000
2	48000007/QĐ-TT	19/7/2023	Giày, dép	các loại, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, đã qua sử dụng	Đôi	1.300	40.000	52.000.000
3	48000008/QĐ-TT	19/7/2023	Giày, dép	các loại, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, đã qua sử dụng	Đôi	700	40.000	28.000.000
TỔNG CỘNG:								120.000.000

Bằng chữ: Một trăm hai mươi triệu đồng



BẢNG KÊ CHI TIẾT TÀI SẢN

(Kèm theo Thông báo số 199/TB-QLTTLA ngày 10 /11/2023 của Cục QLTT tỉnh Long An)

Lô 3: Đồ gia dụng bằng sành sứ, kim loại, bếp gas, tủ lạnh, máy cassette, amply, đầu đĩa các loại,...

STT	Số QĐTT	Ngày QĐ	Tên tang vật	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	480000006/QĐ-TT	19/7/2023	Đồ gia dụng bằng sành sứ	các loại, bằng sành sứ, đã qua sử dụng	Kg	1.429	8.000	11.432.000
			Đồ điện (dây điện, ổ điện)	các loại, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, đã qua sử dụng	Kg	34	5.000	170.000
			Đầu băng cối	các loại, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, đã qua sử dụng	Cái	8	100.000	800.000
			Máy hát đĩa than	các loại, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, đã qua sử dụng	Cái	2	30.000	60.000
			Amply	các loại, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, đã qua sử dụng	Cái	6	100.000	600.000
			Đầu phát (băng, đĩa)	các loại, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, đã qua sử dụng	Cái	7	100.000	700.000
			Máy hát đĩa	các loại, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, đã qua sử dụng	Cái	16	100.000	1.600.000
			Amply Radio	các loại, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, đã qua sử dụng	Cái	6	100.000	600.000
			Đầu đĩa	các loại, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, đã qua sử dụng	Cái	16	100.000	1.600.000

